

Số: 51 /2024/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng thống nhất mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:**

1. Tỷ lệ % cụ thể xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá:

Khu vực	Tỷ lệ (%/năm)
Nhóm 1: Nhóm đất phi nông nghiệp thuộc khu vực đô thị thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc.	1,2

Khu vực	Tỷ lệ (%/năm)
Nhóm 2: Nhóm đất phi nông nghiệp thuộc khu vực đô thị các huyện và đất khu vực nông thôn thành phố Đà Lạt.	1,0
Nhóm 3: Nhóm đất phi nông nghiệp thuộc khu vực nông thôn các huyện và thành phố Bảo Lộc; đất thuộc các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	0,8
Nhóm 4: Nhóm đất nông nghiệp; nhóm đất phi nông nghiệp làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật.	0,5

2. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá tương ứng với hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3. Mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) hoặc đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất đó thì mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm: Đơn giá thuê đất tính bằng 30% giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê tính bằng 30% giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng.

4. Mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đất có mặt nước:

a) Đối với trường hợp thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; phần diện tích đất có mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư: Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 20% của đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

b) Đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định điểm a khoản này: Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, đơn vị, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước, thuê đất khi gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, thay đổi quy hoạch chi tiết của dự án trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm; giá thuê mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm; giá thuê mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngầm, thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp;
- Kho Bạc Nhà nước tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tích hợp dữ liệu và Chuyển đổi số tỉnh;
- Lưu: VT, TH<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Thái**